TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 555/2024/HNGĐ-ST
Ngày 18/9/2024
V/v *Tranh chấp hôn nhân và gia đình "Ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Minh Tuấn

Ông Hà Bửu Khánh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Phượng – là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang :*** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 354/2024/TLST - HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình "*Ly hôn, nuôi con chung"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 365/2024/QĐXX - ST, ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự ;

1. Nguyên đơn: Chị Cao Thị Hồng L, sinh năm: 1998; địa chỉ: ấp P, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Danh P, sinh năm: 1997; địa chỉ: ấp G, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 24/4/2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Cao Thị Hồng L trình bày:***

Chị và anh Danh P trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và chung sống với nhau vào năm 2015 (không tổ chức đám cưới) nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh P không quan tâm chăm sóc vợ con, có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, mặc dù chị đã nhiều lần bỏ qua nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào tháng 01/2023 nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, cho nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Danh P; Về con chung: Có 02 con chung tên Thị Diễm M – sinh ngày 03/02/2016, Thị Diễm Q – sinh ngày 16/10/2020, hiện tại 02 cháu đang ở với anh P, chị giao 02 cháu cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trưởng thành; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn anh Danh P*** đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định (thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa) nhưng anh P không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Danh P có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang nên căn vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: Anh P đã nhận được các thủ tục tố tụng Tòa án tống đạt; nhưng anh không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án và cũng không tham gia phiên công khai chứng cứ, phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của anh P không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Danh P.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp: Chị Cao Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Danh P và chị giao 02 con chung cho anh P nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng. Nên đây là tranh chấp về "Ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Cao Thị Hồng L và anh Danh P trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và chung sống với nhau vào năm 2015 (không tổ chức đám cưới) anh -chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 07/02/2020 nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống do anh P hay đi

nhậu về dẫn đến vợ chồng cãi nhau, bỏ mặc vợ con, theo chị L thì anh P có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị đã bỏ qua rất nhiều lần và cho nhau cơ hội để hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả, anh - chị sống ly thân từ tháng 01/2023 cho đến nay, giữa chị L và anh P không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị L thấy rằng mâu thuẫn giữa chị và anh P không thể tiếp tục chung sống được nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh P. Đối với anh P, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý về việc chị L yêu cầu được ly hôn; nhưng anh P không có ý kiến gì về việc chị L yêu cầu ly hôn. Xét thấy hôn nhân của chị L và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Xử chấp nhận cho chị Cao Thị Hồng L được ly hôn với anh Danh P.

[2.2] Về con chung: Anh, chị có 02 người con chung tên Thị Diễm M – sinh ngày 03/02/2016, Thị Diễm Q – sinh ngày 16/10/2020; cháu M đã trên 07 tuổi, cháu Q dưới 07 tuổi. Cháu M có nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn cháu yêu cầu được ở với cha. Xét thấy nguyện vọng của cháu là phù hợp với quy định của pháp luật. Còn cháu Q hiện nay cùng với cháu M sống chung với cha là anh P. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện các cháu đang cùng chung sống với nhau được anh P chăm sóc cho các cháu phát triển tốt về mặt thể chất lẫn tinh thần. Chị L yêu cầu được giao 02 cháu cho anh P nuôi dưỡng, Tòa án tống đạt thông báo đến anh P nhưng anh P cũng không có ý kiến gì về việc chị L giao 02 cháu cho anh P nuôi dưỡng. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình; giao cháu M và cháu Q cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, xem xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án đã gửi văn bản cho anh P về việc chị L giao con cho anh P nuôi và anh không có ý kiến gì về việc yêu cầu chị L cấp dưỡng. Trong phiên họp công khai chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung của chị và anh P mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con trưởng thành, xét thấy sự tự nguyện trên của chị L phù hợp với quy định của pháp luật cần được ghi nhận. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 18/10/2024.

[2.4] Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Cao Thị Hồng L phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000 đồng. Tổng cộng 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002925, ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị L còn phải nộp tiếp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Cao Thị Hồng L được ly hôn với anh Danh P.

2. Về con chung: Giao cháu Thị Diễm M – sinh ngày 03/02/2016, Thị Diễm Q – sinh ngày 16/10/2020 cho anh Danh P trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của chị L cấp dưỡng nuôi 02 cháu M, cháu Q mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 18/10/2024.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, xem xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh P không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị Cao Thị Hồng L phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000 đồng. Tổng cộng 450.000 đồng

(bốn trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002925, ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị L còn phải nộp tiếp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày; chị L được tính kể từ ngày tuyên án (18/9/2024); anh P được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết của Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục thi hành án;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, Vp